

## Biểu mẫu 01

### ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8 TRƯỜNG MẦM NON VƯỜN HỒNG

#### THÔNG BÁO

**Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2018-2019**

| STT | Nội dung                                                     | Nhà trẻ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Mẫu giáo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|-----|--------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| I   | Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ dự kiến đạt được | <p>1. Tổ chức ăn</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi. (25-36 tháng)</li> <li>+ <i>Nhu cầu khuyến nghị năng lượng của 1 trẻ trong một ngày là: 930 - 1000 Kcal.</i></li> <li>+ <i>Nhu cầu khuyến nghị năng lượng tại trường của 1 trẻ trong một ngày chiếm 60 - 70% nhu cầu cả ngày: 600-651 Kcal.</i></li> <li>- Số bữa ăn tại cơ sở giáo dục mầm non: Một bữa chính và một bữa phụ.</li> <li>+ <i>Tỉ lệ các chất cung cấp năng lượng được khuyến nghị theo cơ cấu:</i></li> </ul> <p>Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13% - 20% năng lượng khẩu phần.</p> <p>Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 30% - 40% năng lượng khẩu phần</p> <p>Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 47% - 50% năng lượng khẩu phần.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nước uống: khoảng 0,8 - 1,6 lít/trẻ/ ngày (kể cả nước trong thức ăn).</li> <li>- Xây dựng thực đơn hằng ngày, theo tuần, theo mùa.</li> </ul> <p>2. Tổ chức ngủ</p> <p>Tổ chức cho trẻ ngủ theo nhu cầu độ tuổi:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ từ 25 đến 36 tháng ngủ 1 giấc trưa khoảng 150 phút.</li> </ul> <p>3. Vệ sinh</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vệ sinh cá nhân.</li> <li>- Vệ sinh môi trường: Vệ sinh</li> </ul> | <p>1. Tổ chức ăn</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi:</li> <li>+ <i>Nhu cầu khuyến nghị năng lượng của 1 trẻ trong một ngày là: 1230 - 1320 Kcal.</i></li> <li>+ <i>Nhu cầu khuyến nghị năng lượng tại trường của 1 trẻ trong một ngày chiếm 50 - 55% nhu cầu cả ngày: 615 - 726 Kcal.</i></li> <li>- Số bữa ăn tại cơ sở giáo dục mầm non: Một bữa chính và một bữa phụ.</li> <li>+ <i>Tỉ lệ các chất cung cấp năng lượng theo cơ cấu:</i></li> </ul> <p>Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13% - 20% năng lượng khẩu phần.</p> <p>Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 25% - 35% năng lượng khẩu phần.</p> <p>Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 52% - 60% năng lượng khẩu phần.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nước uống: khoảng 1,6 - 2,0 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn).</li> <li>- Xây dựng thực đơn hàng ngày, theo tuần, theo mùa.</li> </ul> <p>2. Tổ chức ngủ</p> <p>Tổ chức cho trẻ ngủ một giấc buổi trưa (khoảng 150 phút).</p> <p>3. Vệ sinh</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vệ sinh cá nhân.</li> <li>- Vệ sinh môi trường: Vệ sinh phòng nhóm, đồ dùng, đồ chơi. Giữ sạch nguồn nước và xử lí rác, nước thải.</li> </ul> <p>4. Chăm sóc sức khỏe và an</p> |

|     |                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|-----|--------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                                                        | <p>phòng nhóm, đồ dùng, đồ chơi.<br/>Giữ sạch nguồn nước và xử lí rác, nước thải.</p> <p>4. Chăm sóc sức khỏe và an toàn</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khám sức khỏe định kỳ. Theo dõi, đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi. Phòng chống suy dinh dưỡng, thừa cân béo phì.</li> <li>- Phòng tránh các bệnh thường gặp. Theo dõi tiêm chủng.</li> <li>- Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                        | <p>toàn</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khám sức khỏe định kỳ. Theo dõi, đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi. Phòng chống suy dinh dưỡng, thừa cân béo phì.</li> <li>- Phòng tránh các bệnh thường gặp. Theo dõi tiêm chủng.</li> <li>- Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| II  | Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện | <p>Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình Giáo dục mầm non</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | <p>Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình Giáo dục mầm non</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| III | Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển | <p><b>I. VỀ THỂ CHẤT</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.</li> <li>- Trẻ khám sức khỏe 1 lần /năm, tẩy giun 2 lần/năm. Trẻ suy dinh dưỡng dưới 1%, giảm tỉ lệ trẻ béo phì.</li> <li>- Thích nghi với chế độ sinh hoạt của nhà trẻ</li> <li>- Trẻ thực hiện được vận động cơ bản và phát triển các tổ chức vận động.</li> <li>- Trẻ có khả năng phối hợp khéo léo cử động bàn tay, ngón tay.</li> <li>- Trẻ có khả năng làm được một số việc tự phục vụ trong ăn, ngủ và vệ sinh cá nhân.</li> </ul> <p><b>II. VỀ NHẬN THỨC:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ thích tìm hiểu, khám phá</li> </ul> | <p><b>I. VỀ THỂ CHẤT</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.</li> <li>- Trẻ thực hiện được các vận động cơ bản vững vàng, đúng tư thế</li> <li>- Trẻ có một số tổ chức vận động: nhanh nhẹn, mạnh mẽ, khéo léo và bền bỉ .</li> <li>- Trẻ có khả năng phối hợp các giác quan và vận động; vận động nhịp nhàng biết định hướng trong không gian</li> <li>- Trẻ có kỹ năng trong một số hoạt động cần sự khéo léo của đôi tay</li> <li>- Trẻ có một số hiểu biết về thực phẩm và ích lợi của việc ăn uống đối với sức khỏe.</li> <li>- Trẻ có một số thói quen, kỹ năng tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khỏe và đảm bảo sự an toàn của bản thân.</li> </ul> <p><b>II. VỀ NHẬN THỨC :</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ ham hiểu biết, thích khám</li> </ul> |

thế giới xung quanh.

- Trẻ có sự nhạy cảm của các giác quan
- Trẻ có khả năng quan sát, nhận xét, ghi nhớ và diễn đạt hiểu biết bằng những câu nói đơn giản.
- Trẻ có một số hiểu biết ban đầu về bản thân và các sự vật, hiện tượng gần gũi quen thuộc.

### III. VỀ NGÔN NGỮ :

- Trẻ nghe hiểu được các yêu cầu đơn giản bằng lời nói.
- Trẻ biết hỏi và trả lời một số câu hỏi đơn giản bằng lời nói, cử chỉ.
- Trẻ sử dụng lời nói để giao tiếp, diễn đạt nhu cầu.
- Trẻ có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của câu thơ và ngữ điệu của lời nói.
- Trẻ hồn nhiên trong giao tiếp.

### IV. VỀ TÌNH CẢM, KỸ NĂNG XÃ HỘI VÀ THẨM MỸ:

- Trẻ có ý thức về bản thân, mạnh dạn giao tiếp với những người gần gũi.
- Trẻ có khả năng cảm nhận và biểu lộ cảm xúc với con người, sự vật gần gũi.
- Trẻ thực hiện được một số quy định đơn giản trong sinh hoạt.
- Trẻ thích nghe hát, hát và vận động theo nhạc; thích vẽ, xé dán, xếp hình; thích nghe đọc thơ, kể

phá, tìm tòi các sự vật, hiện tượng xung quanh.

- Trẻ có khả năng quan sát, so sánh, phân loại, phán đoán, chú ý, ghi nhớ có chủ định.
- Trẻ có khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề đơn giản theo những cách khác nhau.
- Trẻ có khả năng diễn đạt sự hiểu biết bằng các cách khác nhau (bằng hành động, hình ảnh, lời nói...) với ngôn ngữ nói là chủ yếu.
- Trẻ có một số hiểu biết ban đầu về con người, sự vật, hiện tượng xung quanh và một số khái niệm sơ đẳng về toán.

### III. VỀ NGÔN NGỮ

- Trẻ có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp hằng ngày.
- Trẻ có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau ( lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ...)
- Trẻ diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hóa trong cuộc sống hàng ngày.
- Trẻ có khả năng nghe và kể lại sự việc, kể lại truyện.
- Trẻ có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi.
- Trẻ có một số kỹ năng ban đầu về việc đọc và viết.

### IV. VỀ TÌNH CẢM KỸ NĂNG XÃ HỘI :

- Trẻ có ý thức về bản thân.
- Trẻ có khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh.
- Trẻ có một số phẩm chất cá nhân: mạnh dạn, tự tin, tự lực.
- Trẻ có một số kỹ năng sống: tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm, chia sẻ.
- Trẻ thực hiện một số qui tắc, qui định trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, cộng

|    |                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|----|---------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                                                                     | chuyện .                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | <p>đồng gần gũi.</p> <p><b>V. VỀ THẨM MĨ :</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ có khả năng cảm nhận vẻ đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và trong tác phẩm nghệ thuật.</li> <li>- Trẻ có khả năng thể hiện cảm xúc, sáng tạo trong các hoạt động âm nhạc, tạo hình.</li> <li>- Trẻ yêu thích, hào hứng tham gia vào các hoạt động nghệ thuật; có ý thức giữ gìn và bảo vệ cái đẹp.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| IV | Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non | <p>1. Hoạt động với đồ vật</p> <p>Trẻ nhận biết công dụng và cách sử dụng một số đồ dùng, đồ chơi và các đồ vật xung quanh, phát triển lời nói, phát triển các giác quan,... Đây là hoạt động chủ đạo của trẻ</p> <p>2. Hoạt động chơi</p> <p>Đáp ứng nhu cầu của trẻ về khám phá thế giới xung quanh, hình thành mối quan hệ với những người gần gũi. Trẻ có thể chơi thao tác vai (chơi phản ánh sinh hoạt), trò chơi vận động, trò chơi dân gian.</p> <p>3. Hoạt động chơi - tập có chủ định</p> <p>Nhằm phát triển thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội và những yếu tố ban đầu về thẩm mỹ.</p> <p>5. Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân</p> <p>Trẻ có nề nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt hằng ngày, tạo cho trẻ trạng thái sáng khoái, vui vẻ.</p> | <p>1. Hoạt động chơi</p> <p>Hoạt động chơi là hoạt động chủ đạo của trẻ em lứa tuổi mẫu giáo. Trẻ có thể chơi với các loại trò chơi cơ bản sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trò chơi đóng vai theo chủ đề.</li> <li>- Trò chơi ghép hình, lắp ráp, xây dựng.</li> <li>- Trò chơi đóng kịch.</li> <li>- Trò chơi học tập.</li> <li>- Trò chơi vận động.</li> <li>- Trò chơi dân gian.</li> <li>- Trò chơi với phương tiện công nghệ hiện đại.</li> </ul> <p>2. Hoạt động lao động</p> <p>Trẻ có khả năng lao động tự phục vụ, lao động trực nhật, lao động tập thể.</p> <p>3. Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân</p> <p>Trẻ có nề nếp, thói quen trong sinh hoạt, đáp ứng nhu cầu sinh lý của trẻ, tạo cho trẻ trạng thái thoải mái, vui vẻ.</p> |

Quận 8, ngày 12 tháng 9 năm 2018

**HIỆU TRƯỞNG**



**Phan Thị Hồng Yến**

**Biểu mẫu 02**

**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8  
TRƯỜNG MẦM NON VƯỜN HỒNG**

**THÔNG BÁO**

**Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế, năm học 2017-2018**

| STT        | Nội dung                                                         | Tổng số trẻ em | Nhà trẻ         |                  |                  | Mẫu giáo |          |          |
|------------|------------------------------------------------------------------|----------------|-----------------|------------------|------------------|----------|----------|----------|
|            |                                                                  |                | 3-12 tháng tuổi | 13-24 tháng tuổi | 25-36 tháng tuổi | 3-4 tuổi | 4-5 tuổi | 5-6 tuổi |
| <b>I</b>   | <b>Tổng số trẻ em</b>                                            | 601            |                 |                  | 39               | 144      | 166      | 252      |
| 1          | Số trẻ em nhóm ghép                                              |                |                 |                  |                  |          |          |          |
| 2          | Số trẻ em học 1 buổi/ngày                                        |                |                 |                  |                  |          |          |          |
| 3          | Số trẻ em học 2 buổi/ngày                                        | 2              |                 |                  |                  |          |          | 2        |
| 4          | Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập                                |                |                 |                  |                  |          |          |          |
| <b>II</b>  | <b>Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú</b>                         | 599            |                 |                  | 39               | 144      | 166      | 250      |
| <b>III</b> | <b>Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe</b>                  | 601            |                 |                  | 39               | 144      | 166      | 252      |
| <b>IV</b>  | <b>Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng</b> | 601            |                 |                  | 39               | 144      | 166      | 252      |
| <b>V</b>   | <b>Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em</b>                    |                |                 |                  |                  |          |          |          |
| 1          | Số trẻ cân nặng bình thường                                      | 598            |                 |                  | 39               | 141      | 166      | 252      |
| 2          | Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân                                | 3              |                 |                  |                  | 3        |          |          |
| 3          | Số trẻ có chiều cao bình thường                                  | 600            |                 |                  | 39               | 143      | 166      | 252      |
| 4          | Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi                               | 1              |                 |                  |                  | 1        |          |          |
| 5          | Số trẻ thừa cân béo phì                                          | 21             |                 |                  | 1                | 4        | 6        | 10       |
| <b>VI</b>  | <b>Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục</b>          |                |                 |                  |                  |          |          |          |
| 1          | Chương trình giáo dục nhà                                        | 39             |                 |                  | 39               |          |          |          |

|   |                                |     |  |  |  |     |     |     |
|---|--------------------------------|-----|--|--|--|-----|-----|-----|
|   | trẻ                            |     |  |  |  |     |     |     |
| 2 | Chương trình giáo dục mẫu giáo | 562 |  |  |  | 144 | 166 | 252 |

Quận 8, ngày 22 tháng 5 năm 2018

**HIỆN TRƯỞNG**



**Phan Thị Hồng Yến**

**Biểu mẫu 03****ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8  
TRƯỜNG MẦM NON VƯỜN HỒNG****THÔNG BÁO****Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non  
Năm học 2018-2019**

| <b>STT</b>  | <b>Nội dung</b>                                                                    | <b>Số lượng</b>         | <b>Bình quân</b>          |
|-------------|------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|---------------------------|
| <b>I</b>    | <b>Tổng số phòng</b>                                                               | 17                      | Số m <sup>2</sup> /trẻ em |
| <b>II</b>   | <b>Loại phòng học</b>                                                              |                         | -                         |
| 1           | Phòng học kiên cố                                                                  | 17                      | 1,87m <sup>2</sup> /1 trẻ |
| 2           | Phòng học bán kiên cố                                                              |                         | -                         |
| 3           | Phòng học tạm                                                                      |                         | -                         |
| 4           | Phòng học nhờ                                                                      |                         | -                         |
| <b>III</b>  | <b>Số điểm trường</b>                                                              | 2                       | -                         |
| <b>IV</b>   | <b>Tổng diện tích đất toàn trường (m<sup>2</sup>)</b>                              | 3.265,15 m <sup>2</sup> | 5.54 m <sup>2</sup> /trẻ  |
| <b>V</b>    | <b>Tổng diện tích sân chơi (m<sup>2</sup>)</b>                                     | 1.723,98 m <sup>2</sup> | 2.92 m <sup>2</sup> /trẻ  |
| <b>VI</b>   | <b>Tổng diện tích một số loại phòng</b>                                            |                         |                           |
| 1           | Diện tích phòng sinh hoạt chung (m <sup>2</sup> )                                  | 956,08 m <sup>2</sup>   | 1.87 m <sup>2</sup> /trẻ  |
| 2           | Diện tích phòng ngủ (m <sup>2</sup> )                                              |                         |                           |
| 3           | Diện tích phòng vệ sinh (m <sup>2</sup> )                                          | 220.5 m <sup>2</sup>    | 0.35 m <sup>2</sup> /trẻ  |
| 4           | Diện tích hiên chơi (m <sup>2</sup> )                                              | 247.12 m <sup>2</sup>   | 0.42 m <sup>2</sup> /trẻ  |
| 5           | <i>Diện tích phòng giáo dục thể chất (m<sup>2</sup>)</i>                           |                         |                           |
| 6           | <i>Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m<sup>2</sup>)</i> | 92 m <sup>2</sup>       | 0.15 m <sup>2</sup> /trẻ  |
| 7           | Diện tích nhà bếp và kho (m <sup>2</sup> )                                         | 87 m <sup>2</sup>       | 0.14 m <sup>2</sup> /trẻ  |
| <b>VII</b>  | <b>Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)</b>              |                         | Số bộ/nhóm (lớp)          |
| 1           | Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định                   | 224 bộ                  | 224/17 nhóm (lớp)         |
| 2           | Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định               | 10 bộ                   | 10/17 nhóm (lớp)          |
| <b>VIII</b> | <b>Tổng số đồ chơi ngoài trời</b>                                                  | 21                      | 21/2 nhóm (lớp)           |

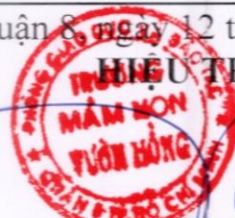
|    |                                                                                                                         |                                                            |                        |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|------------------------|
| IX | Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...) | 1 máy chiếu<br>1 bảng tương tác<br>1 máy ảnh<br>11 vi tính | 20/17 nhóm (lớp)       |
| X  | Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác<br>(Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)                 |                                                            | Số thiết bị/nhóm (lớp) |
| 1  | Máy photocopy                                                                                                           | 1                                                          | 1/trường               |
| 2  | Bộ thiết bị dạy học (Bảng tương tác)                                                                                    | 1                                                          | 1/trường               |
| 3  | Máy chiếu                                                                                                               | 1                                                          | 1/trường               |
| 4  | Máy in                                                                                                                  | 2                                                          | 2/nhóm lớp             |
| 5  | Máy vi tính                                                                                                             | 6                                                          | 1/nhóm lớp             |
| 6  | Ampli, loa                                                                                                              | 2                                                          | 2/ nhóm lớp            |
| 7  | Đồ chơi ngoài trời                                                                                                      | 20                                                         | 1.24 nhóm lớp          |

| XI | Nhà vệ sinh             | Số lượng(m <sup>2</sup> ) |                   |                          |                           |                          |
|----|-------------------------|---------------------------|-------------------|--------------------------|---------------------------|--------------------------|
|    |                         | Dùng cho giáo viên        | Dùng cho học sinh |                          | Số m <sup>2</sup> /trẻ em |                          |
|    |                         |                           | Chung             | Nam/Nữ                   | Chung                     | Nam/Nữ                   |
| 1  | Đạt chuẩn vệ sinh*      | 5                         | 16                | Phân biệt khu vực nam nữ | 0.85 m <sup>2</sup> /trẻ  | Phân biệt khu vực nam nữ |
| 2  | Chưa đạt chuẩn vệ sinh* | 0                         | 0                 |                          |                           |                          |

(\*Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường mầm non và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu-điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh)

|      |                                                      | Có | Không |
|------|------------------------------------------------------|----|-------|
| XII  | Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh                     | X  |       |
| XIII | Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)                   | X  |       |
| XIV  | Kết nối internet                                     | X  |       |
| XV   | Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục | X  |       |
| XVI  | Tường rào xây                                        | X  |       |
| ..   | ....                                                 |    |       |

Quận 8, ngày 12 tháng 9 năm 2018



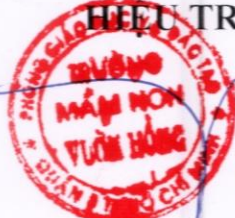
*[Handwritten signature]*

**Biểu mẫu 04**  
**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8**  
**TRƯỜNG MẦM NON VƯỜN HỒNG**

**THÔNG BÁO**  
**Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên**  
**năm học 2018-2019**

| STT | Nội dung                                       | Tổng số    | Trình độ đào tạo |     |    |    |    | Hạng chức danh nghề nghiệp |         |          | Chuẩn nghề nghiệp |          |     |            |     |
|-----|------------------------------------------------|------------|------------------|-----|----|----|----|----------------------------|---------|----------|-------------------|----------|-----|------------|-----|
|     |                                                |            | TS               | ThS | ĐH | CĐ | TC | Dưới TC                    | Hạng IV | Hạng III | Hạng II           | Xuất sắc | Khá | Trung bình | Kém |
|     | Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên | 49         |                  |     | 23 | 6  | 15 | 5                          | 17      | 7        | 13                |          |     |            |     |
| I   | Giáo viên                                      | 37         |                  |     | 20 | 6  | 11 |                            | 17      | 7        | 10                |          |     |            |     |
| 1   | Nhà trẻ                                        | 6          |                  |     | 3  | 2  | 1  |                            | 2       | 2        | 2                 |          |     |            |     |
| 2   | Mẫu giáo                                       | 31         |                  |     | 17 | 4  | 10 |                            | 15      | 5        | 8                 |          |     |            |     |
| II  | Cán bộ quản lý                                 | 3          |                  |     | 3  |    |    |                            |         |          | 3                 |          |     |            |     |
| 1   | Hiệu trưởng                                    | 1          |                  |     | 1  |    |    |                            |         |          | 1                 |          |     |            |     |
| 2   | Phó hiệu trưởng                                | 2          |                  |     | 2  |    |    |                            |         |          | 2                 |          |     |            |     |
| III | Nhân viên                                      | 9          |                  |     |    |    | 4  | 5                          |         |          |                   |          |     |            |     |
| 1   | Nhân viên văn thư                              | 1          |                  |     |    |    | 1  |                            |         |          |                   |          |     |            |     |
| 2   | Nhân viên kế toán                              | 1          |                  |     |    |    | 1  |                            |         |          |                   |          |     |            |     |
| 3   | Thủ quỹ                                        | Kiểm nhiệm |                  |     |    |    |    |                            |         |          |                   |          |     |            |     |
| 4   | Nhân viên y tế                                 | 1          |                  |     |    |    | 1  |                            |         |          |                   |          |     |            |     |
| 5   | Nhân viên khác                                 | 6          |                  |     |    |    | 1  | 5                          |         |          |                   |          |     |            |     |

Quận 8, ngày 12 tháng 9 năm 2018

**HIỆU TRƯỞNG**  
  
  
**Phan Thị Hồng Yến**